

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-Bản án số: **364/2019/DS - ST**
-Ngày: 25/10/2019
-V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Châu Vũ Bình**

2. Ông **Nguyễn Trung Trực**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:

bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: CÔNG TY T;

Trụ sở: Khu công nghiệp L, xã 1, huyện P, tỉnh G.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Trung L**, sinh năm 1973.
Chức vụ: Chủ tịch công ty.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

- Ông **Phạm Bá C**, sinh năm 1973

- Bà **Nguyễn Thúy T**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: số 107, Bến Vân Đồn, phường 9, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh T

(Anh C có mặt, chị T có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cũng như tại biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/9/2017, Công ty T có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số TG178/A&M/TG/2017, theo đó Công ty cung cấp hàng hóa là thức ăn chăn nuôi, cụ thể: Công ty giao thức ăn chăn nuôi cho ông T theo từng đơn đặt hàng hoặc đề nghị của ông T, ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị từng đơn hàng trước hoặc ngay khi nhận hàng. Do không nhu cầu hợp tác mua bán nên hai bên đã thanh lý hợp đồng và có lập biên bản thanh lý hợp đồng mua bán thức ăn gia súc ngày 22/02/2018 có xác nhận của ông T về số tiền mua thức ăn còn nợ là 377.326.384 đồng, ông cam kết trả nợ chậm nhất vào ngày 22/3/2018. Đến hạn trả nợ, ông T không trả nên Công ty T khởi kiện yêu cầu ông T phải trả vốn 377.326.384 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm (0.833%/tháng), tính từ ngày 23/3/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, tạm tính 23.906.142 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với ông T, yêu cầu ông T phải trả vốn 377.326.384 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 23.3.2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 19 tháng 02 ngày, thành tiền 59.952.969 đồng.

** Chị Nguyễn Thúy T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt;*

** Bị đơn Nguyễn Ngọc T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ kiện: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty T khởi kiện yêu cầu Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu 377.326.384 đồng và buộc ông T phải trả lãi do chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 23.3.2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh

T nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định của pháp luật liên quan.

[2] Chị Nguyễn Thúy T có đơn xin vắng mặt, ông T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông T, chị Trang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 05/9/2017, Công ty T (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số TG178/A&M/TG/2017 với ông T, theo đó Công ty cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông T theo từng đơn đặt hàng hoặc đề nghị của ông T, ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị từng đơn hàng trước hoặc ngay khi nhận hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, công ty cung cấp hợp đồng mua bán hàng hóa số TG178/A&M/TG/2017 được ký kết giữa Công ty và ông T ngày 05/9/2017 và biên bản thanh lý hợp đồng mua bán thức ăn gia súc ngày 22/02/2018 có xác nhận của ông T về số tiền mua thức ăn còn nợ là 377.326.384 đồng, cam kết trả nợ chậm nhất vào ngày 22/3/2018 nhưng đến hạn ông T không trả nợ và kéo dài cho đến nay nên Công ty khởi kiện. Tại phiên tòa, đại diện của công ty trình bày Công ty vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ gốc là 377.326.384 đồng.

Xét thấy, tại biên bản thanh lý hợp đồng mua bán thức ăn gia súc ngày 22/02/2018 có xác nhận của ông T về số tiền mua thức ăn còn nợ là 377.326.384 đồng, cam kết trả nợ chậm nhất vào ngày 22/3/2018 nhưng đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T không trả tiền cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên, gây thiệt thòi quyền lợi cho phía Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền vốn 377.326.384 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Công ty yêu cầu ông T phải trả lãi đối với số tiền vốn 377.326.384 đồng với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 23.3.2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là 19 tháng 02 ngày, thành tiền 59.952.969 đồng. Xét thấy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty nên ông có nghĩa vụ phải trả khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, mức lãi suất và thời gian tính lãi mà Công ty yêu cầu như trên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời gian trả nợ: Công ty yêu cầu ông T trả số tiền vốn và tiền lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ

của bên mua tài sản mà hai bên đã thỏa thuận khi xác lập hợp đồng mua bán tài sản, hơn nữa số nợ này lớn, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty, buộc ông T có nghĩa vụ trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T**

1. Ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền mua thức ăn chăn nuôi, cụ thể: tiền vốn 377.326.384 đồng và tiền lãi 59.952.969 đồng, tổng cộng 437.279.354 đồng (*Bốn trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp 21.491.000 đồng (*Hai mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*).

Hoàn lại cho Công ty T số tiền 10.300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015525 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty T có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông T, chị T vắng mặt tính từ ngày được Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

Phạm Văn Tài

